

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HS-ST

Ngày: 19/6/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hứa Đình Hiên

2. Ông Lý Văn Chính.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đức Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2024/HSST ngày 21/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST - HS ngày 07/6/2024 đối với bị cáo:

Nông Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28 tháng 01 năm 1993 tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Ng, huyện B1, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L và bà Hoàng Thị H; vợ, con chưa có; tiền án: 02 (Tại Bản án số 24/2021/HSST ngày 10/3/2021 của TAND thành phố B2 tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tại bản án số 09/2022/HS-ST ngày 12/5/2022 của TAND huyện B1, tỉnh B xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2013, bị Chủ tịch UBND huyện B1, tỉnh B áp dụng biện pháp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời hạn 12 tháng (theo Quyết định số 3496/QĐ-CTUBND ngày 30/12/2013); năm 2017, bị TAND huyện B1, tỉnh B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng (theo Quyết định số 10/QĐ-TA ngày 31/5/2017); ngày 26/01/2021, bị Công an thành phố B1, tỉnh B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức phạt tiền, mức phạt: 1.000.000 đồng.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2024 đến nay. Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Có mặt.

*** Bị hại: 1.** Ông **Nguyễn Thanh Ph**, sinh năm 1985; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 7B, phường Đ, thành phố B2, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Ông **Lê Văn V**, sinh năm 1982; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ P, phường H, thành phố B2, tỉnh B. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1969; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 11, phường Ph, thành phố B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết trước tại khu vực gần Cầu Phà thuộc tổ 16, phường Ng, thành phố B2, tỉnh B có một số hộ kinh doanh để bàn bằng kim loại trên vỉa hè, buổi tối không cất nên Nông Văn Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp. Thực hiện ý định, tối ngày 06/3/2024 Đ một mình đi bộ từ khu vực cổng Bệnh viện đa khoa B thuộc tổ 12, phường Ng đến nhà ông Nguyễn Văn C tại tổ 11, phường Ph hỏi mượn 01 chiếc xe cải tiến để đi chở sắt vụn đem đến bán cho ông C, thì được ông C đồng ý cho mượn xe. Sau khi mượn được xe, Đ đẩy xe cải tiến từ nhà ông C đến quán Game tại khu vực cổng Bệnh viện đa khoa Bắc K rồi cất xe vào trong quán Game, chơi điện tử và ngủ tại quán. Đến khoảng 04 giờ 15 phút ngày 07/3/2024, Đ dậy, một mình đẩy xe cải tiến từ quán Game đến khu vực Cầu Phà thuộc tổ 16 phường Ng để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, Đ thấy có 01 (một) chiếc bàn bằng kim loại, mặt bàn bằng tôn của anh Lê Văn V làm nghề bán vịt quay đang để trên vỉa hè, không có người trông coi nên Đ đẩy xe cải tiến lên vỉa hè, dùng tay nhấc chiếc bàn đặt lên xe cải tiến rồi đẩy xe đi theo đường Thanh Niên hướng về phía trường Trung học phổ thông B2. Khi đi đến khu vực tổ 7, phường S thì phát hiện trong quán Phong T có một số ghế để ở trong quán, không có người trông coi nên Đ đẩy xe lên trên vỉa hè đến gần cửa quán rồi đi vào trong quán và lấy 02 (hai) chiếc ghế ngồi được làm bằng khung kim loại, mặt ngồi và tựa được gắn bằng gỗ của anh Nguyễn Thanh Ph là chủ quán, đặt lên xe cải tiến rồi đẩy xe đi đến nhà ông C để bán tài sản vừa trộm cắp được, khi đi đến tổ 6, phường S thì gặp tổ công tác Công an phường S, qua đấu tranh Đ đã đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngay sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Nguyễn Thanh Ph và anh Lê Văn V đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Kạn kết luận:

“- 01 (một) bàn bằng kim loại, mặt bàn bằng kim loại (mặt tôn), kích thước dài 1m29 x rộng 79cm x cao 79cm, giá trị tài sản là 134.400đ.

- 02 (hai) ghế ngồi được làm bằng khung kim loại, mặt ngồi và tựa được gắn bằng gỗ màu vàng nhạt, kích thước ghế cao 86cm x 37cm, kích thước mặt ngồi 37cm x 37cm x cao 41cm, giá trị tài sản là 68.800đ.”

Tổng giá trị tài sản là: 203.200đ (Hai trăm linh ba nghìn hai trăm đồng)”

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSTP ngày 20/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Nông Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Đã bị kết án về tội này...chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nông Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 07/3/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nông Văn Đ.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Trong ngày 07/3/2024, Nông Văn Đ đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Tại tổ 16 phường Ng, thành phố B2, Nông Văn Đ đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc bàn bằng kim loại, trị giá 134.400 (Một trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm đồng) là tài sản thuộc sở hữu của anh Lê Văn V.

Lần thứ hai: Tại tổ 7, phường S, thành phố B2, Nông Văn Đ đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 02 (hai) ghế ngồi được làm bằng khung kim loại, mặt ngồi và tựa được gắn bằng gỗ, trị giá 68.800đ (Sáu mươi tám nghìn tám trăm đồng) là tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Thanh Ph.

Tuy giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là dưới 2.000.000 đồng nhưng trước thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên hành vi chiếm đoạt tài sản lần này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo có 02 tiền án. Tại Bản án số 24/2021/HSST ngày 10/3/2021 của TAND thành phố B2 xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tại bản án số 09/2022/HS-ST ngày 12/5/2022 của TAND huyện B1, tỉnh B xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích); nhân thân: Năm 2013, bị Chủ tịch UBND huyện B1, tỉnh B áp dụng biện pháp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời hạn 12 tháng (theo Quyết định số 3496/QĐ-CTUBND ngày 30/12/2013); năm 2017, bị TAND huyện B1, tỉnh B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng (theo Quyết định số 10/QĐ-TA ngày 31/5/2017); ngày 26/01/2021, bị Công an thành phố B2, tỉnh B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức phạt tiền, mức phạt: 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đầu thú, phạm tội gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung “Phạt tiền” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Thanh Ph, ông Lê Văn V đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) bàn bằng kim loại, mặt bàn bằng kim loại (mặt tôn) và 02 (hai) ghế ngồi được làm bằng khung kim loại, mặt ngồi và tựa được gắn bằng gỗ màu vàng nhạt. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông Lê Văn V và ông Nguyễn Thanh Ph là đúng quy định của pháp luật, các bị hại không có ý kiến, đề nghị gì.

Đối với 01 (một) chiếc xe cải tiến có khung bằng kim loại, bánh cao su. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn C. Việc bị cáo sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội ông C không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông C là đúng quy định, ông C không có ý kiến, đề nghị gì.

* Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nông Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 07/3/2024.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nông Văn Đ.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan **CSĐT** Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo
- Bị hại;
- Người có QLVNLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương